

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2021/DS – ST**

Ngày: 23/3/2021.

V/v tranh chấp: “Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2021/TLST – DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST – DS ngày 16 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 35 NKH, Phường 1, Quận Y, Thành phố X.

Theo Giấy ủy quyền số: 3970/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng A. Ông Nguyễn Hoàng C – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh M là người đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H – Trưởng phòng Phòng giao dịch H (Có mặt).

Địa chỉ: 16, Khu phố 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Thái Cường, sinh năm: 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2020, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Hoàng trình bày:

Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông C vay tiền theo hình thức cấp thẻ tín dụng. Vào ngày 03/5/2018 ông C có làm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số: 13/2018/BĐ, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng hạn mức tín dụng thẻ được cấp là 50.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng; lãi suất 2,5% tháng; thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm và thẻ tự động gia hạn thời hạn sử dụng, loại thẻ quốc tế JCB hạng vàng.

Theo hợp đồng ký kết, hàng tháng phải thanh toán 5% dư nợ đầu kỳ, ngân hàng sẽ cho 25 ngày thanh toán, nếu phát sinh trễ hạn sẽ thu phí phạt 6% số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó. Nếu không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền thanh toán sau 02 kỳ chốt thông báo giao dịch cộng 10 ngày thì sẽ chuyển sang nợ nhóm 2. Từ thời điểm chuyển nhóm 2 nếu không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu của 2 kỳ chốt giao dịch sau thời gian 90 ngày thì sẽ chuyển nợ nhóm 3 và chốt toàn bộ dư nợ thành vốn gốc, lãi phát sinh sau khi chuyển nhóm 3 sẽ bằng 150% lãi trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông C đã thực hiện với các giao dịch với số tiền là 153.918.357 đồng. Trong quá trình thanh toán từ ngày 31/5/2018 đến ngày 30/4/2020 ông C thanh toán tổng cộng 133.033.256 đồng, tuy nhiên từ 01/5/2020 ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi không thông toán đủ số tiền tối thiểu hàng tháng là 5% để duy trì thẻ dẫn đến thẻ bị quá hạn. Dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 29/6/2020 là 53.1832.562 đồng.

Từ ngày 28/8/2020 đến ngày 23/12/2020 ông C có thanh toán cho Ngân hàng được 17.000.000 đồng thu vào vốn gốc. Dư nợ thẻ tín dụng hiện tại tính đến ngày 23/3/2021 là 52.104.743 đồng, trong đó 38.443.948 đồng vốn gốc, 13.660795 đồng lãi quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C phải trả cho Ngân hàng 52.104.743 đồng, trong đó 38.443.948 đồng vốn gốc, 13.660795 đồng lãi quá hạn và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/3/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông C nhưng ông C không đến Tòa án để giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông C có nghĩa vụ trả cho ngân hàng 52.104.743 đồng, trong đó 38.443.948 đồng vốn gốc, 13.660795 đồng lãi quá hạn và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/3/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Đối với ông C Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng ông C

vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các điều 463 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 52.104.743 đồng, trong đó 38.443.948 đồng vốn gốc, 13.660795 đồng lãi quá hạn và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/3/2021 cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thái C trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Thái C có đăng ký thường trú tại khu phố 3, thị trấn Bình Đại, huyện Bình Đại. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông C.

[4] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 52.104.743 đồng, trong đó 38.443.948 đồng vốn gốc, 13.660795 đồng lãi quá hạn và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/3/2021 cho đến khi trả hết nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có

căn cứ và hợp pháp, Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 13/2018/BĐ ngày 03/5/2018.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng:

Tài liệu, chứng cứ do ngân hàng giao nộp cho Tòa án là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 13/2018/BĐ ngày 03/5/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 13/2018/BĐ ngày 03/5/2018 giữa Ngân hàng và ông C đã ký thì ông C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đối với Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mà bỏ đi khỏi địa phương từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho ông C.

Ông C thay đổi nơi cư trú gắn liền với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số: 13/2018/BĐ ngày 03/5/2018 mà không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, thì coi như là ông C cố tình giấu địa chỉ do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả tiền nhưng ông C không trả tiền cho Ngân hàng, ông C đã thay đổi nơi cư trú, không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú mới, cố tình giấu địa chỉ coi như mặc nhiên thừa nhận còn nợ tiền Ngân hàng. Ông C không trả tiền cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 52.104.743 đồng, trong đó 38.443.948 đồng vốn gốc, 13.660795 đồng lãi quá hạn và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/3/2021 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng 52.104.743 đồng, trong đó 38.443.948 đồng vốn gốc, 13.660795 đồng lãi quá hạn và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/3/2021) cho đến khi trả hết nợ.

[7] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông C phải chịu: 2.605.200 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.330.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277; Điều 280; 357; 463 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Nguyễn Thái C.

Buộc ông Nguyễn Thái C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A 52.104.743 đồng (*Năm mươi hai triệu một trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng*).

[2]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/01/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 13/2018/BĐ ngày 03/5/2018 nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Nguyễn Thái C phải chịu: 2.605.200 đồng (*Hai triệu sáu trăm lẻ năm nghìn hai trăm đồng*).

Ngân hàng A không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.330.000 đồng (*Một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000832 ngày 13/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Nguyễn Thái C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải